

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Phê duyệt
quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc
thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận
một cửa và công dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm
vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 122/TTr-STP ngày
25/6/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực
chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp như sau:

1. Công bố 15 Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực
trong đó: tổ chức hành nghề công chứng 02 thủ tục hành chính, cấp xã 13 thủ
tục hành chính.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Bãi bỏ 03 Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

3. Phê duyệt 15 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

(Có Phụ lục III ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 và thay thế Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 08/02/2025 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- VNPT Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục I
Danh mục
Thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG: 02 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Giải quyết trong ngày. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết thì không quá 1,5 ngày làm việc	Trụ sở làm việc của các tổ chức hành nghề công chứng	Nộp trực tiếp hồ sơ	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (<i>áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực</i>)	Trong ngày; trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì kết quả trả trong ngày làm việc tiếp theo	Trụ sở làm việc của các tổ chức hành nghề công chứng	Nộp trực tiếp hồ sơ	10.000đồng/trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>không thể ký, không thể điểm chỉ được)</i>					- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						điện Việt Nam ở nước ngoài.

II. CẤP XÃ: 13 thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ,	Trong ngày; trường hợp	Bộ phận một cửa Trung	Nộp trực tiếp hồ sơ	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết thì không quá 1,5 ngày làm việc	tâm hành phục vụ hành chính công xã		lên thu 1.000/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (<i>áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được</i>)	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa Trung tâm hành chính phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	10.000đồng/ trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản	Không quá 1,5 ngày làm	Bộ phận một cửa Trung tâm hành	Nộp trực tiếp hồ sơ	50.000đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	việc	phục vụ hành chính công xã			phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
5	Chứng thực di chúc	Không quá 1,5 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	50.000đồng/di chúc	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
6	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 1,5 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp	50.000đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
7	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 1,5 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp	50.000đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
8	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 1,5 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp	50.000đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
9	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	30.000đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
10	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	25.000đồng/ hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
11	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	2.000đồng/trang. Từ 03 trang trở lên thu 1.000đồng/trang; tối đa không thu quá	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc tiếp theo			200.000đồng/bản. Trang là căn cứ để thi phí được tính theo trang của bản chính	<i>phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</i> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
12	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch thuật của UBND cấp xã	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	10.000đồng/ trường hợp	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
13	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa Trung tâm hành phục vụ hành chính công xã	Nộp trực tiếp hồ sơ	10.000đồng/ trường hợp	- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

Phụ lục II
Danh mục

Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.001044	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Chứng thực	Phòng Tư pháp
2	2.001050	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Chứng thực	Phòng Tư pháp

3	2.001052	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Chứng thực	Phòng Tư pháp
---	----------	---	--	------------	---------------

Phụ lục III
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG: 02 quy trình

1. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

Thời gian thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo; trường hợp kéo dài thời gian giải quyết thì không quá 1,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Trường hợp kéo dài (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trụ sở làm việc của các tổ chức hành nghề công chứng	Hồ sơ yêu cầu	01	0,25
B2	Tổ chức hành nghề công chứng	Công chứng viên	Hồ sơ đã chứng thực	06	01
B3	Trả kết quả	Trụ sở làm việc của các tổ chức hành nghề công chứng	Hồ sơ đã chứng thực	01	0,25
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ	1,5 ngày

2. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản (*áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được*)

Thời gian thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trụ sở làm việc của các tổ chức hành nghề công chứng	Hồ sơ yêu cầu	01
B2	Tổ chức hành nghề công chứng	Công chứng viên	Hồ sơ đã chứng thực	06
B3	Trả kết quả	Trụ sở làm việc của các tổ chức hành nghề công chứng	Hồ sơ đã chứng thực	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

II. CẤP XÃ: 11 quy trình

1. Cấp bản sao từ sổ gốc

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Bản sao được cấp từ sổ gốc	01
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Bản sao được cấp từ sổ gốc	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

2. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo; trường hợp kéo dài không quá 1,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện (giờ)	Trường hợp kéo dài (ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01	0,25
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03	0,5
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02	0,25
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Bản sao được chứng thực từ bản chính	01	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Bản sao được chứng thực từ bản chính	01	0,25
Tổng thời gian thực hiện				08 giờ	1,5 ngày

3. Chứng thực chữ ký trong giấy tờ văn bản (*Áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được*)

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ	01
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

4. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở

Thời gian đang thực hiện: 1,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	0,25
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	0,5
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,25
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Hợp đồng giao dịch được chứng thực	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Hợp đồng giao dịch được chứng thực	0,25
	Tổng thời gian thực hiện			1,5 ngày

5. Chứng thực di chúc

Thời gian đang thực hiện: 1,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	0,25
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	0,5
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,25
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Di chúc được chứng thực	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Di chúc được chứng thực	0,25
	Tổng thời gian thực hiện			1,5 ngày

6. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản

Thời gian đang thực hiện: 1,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	0,25
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	0,5
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,25
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực	0,25
	Tổng thời gian thực hiện			1,5 ngày

7. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

Thời gian đang thực hiện: 1,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	0,25
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	0,5
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,25
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực	0,25
	Tổng thời gian thực hiện			1,5 ngày

9. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	0,25
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	0,5
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,25
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Hợp đồng giao dịch được chứng thực	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Hợp đồng giao dịch được chứng thực	0,25
	Tổng thời gian thực hiện			1,5 ngày

10. Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Hợp đồng giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật	01
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Hợp đồng giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

11. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Bản sao hợp đồng giao dịch được chứng thực	01
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Bản sao hợp đồng giao dịch được chứng thực	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

12. Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch	01
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

13. Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã

Thời gian đang thực hiện: Trong ngày; trường hợp tiếp nhận nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc trong ngày tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	01
B2	Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn cấp xã	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	03
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch	01
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch	01
	Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

